

Khái niệm hiện đại hóa*

TRẦN HỮU QUANG

Trong các hệ thống chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam hiện nay, có hai từ then chốt lâu nay xuất hiện thường xuyên trên các văn bản, đó là “công nghiệp hóa” và “hiện đại hóa”. Xét về mặt ngữ nghĩa, “công nghiệp hóa” (*industrialisation*) là một khái niệm chủ yếu thiên về lĩnh vực *kinh tế học*. Mặc dù công nghiệp hóa vẫn là một quá trình luôn luôn được giới nghiên cứu xã hội học quan tâm vì nó có những tác động hết sức to lớn về mặt xã hội, nhưng nhãn giới xã hội học chú ý hơn tới khái niệm “hiện đại hóa” (*modernisation*), vì khái niệm này chứa đựng những nội hàm mang tính kinh tế-xã hội, văn hóa-xã hội, và thiết chế-xã hội sâu rộng hơn. Thực ra, quá trình hiện đại hóa cũng đã mặc nhiên bao hàm trong nó quá trình công nghiệp hóa, vốn thường diễn ra song song với quá trình đô thị hóa. Vậy thế nào là hiện đại hóa ?

“Hiện đại” đối lập với “truyền thống” ?

Thuật ngữ “*modern*” (hiện đại) xuất hiện từ thời Phục hưng ở châu Âu, lúc đầu thường được hiểu theo nghĩa đối lập với thuật ngữ “*cổ xưa*” (*ancient*) hay “truyền thống” (*traditional*). Phải đợi đến Hegel thì người ta mới thấy có một sự phân tích nghiêm cẩn và sâu sắc nhất về thân phận của “con người hiện đại” : đó là con người đặt lịch sử trước mặt mình, và đặt mình trước lịch sử, và suy tưởng xem có sự hòa hợp giữa hai cái này với nhau hay không. Đặc trưng của tính hiện đại (*modernity*) theo Hegel là ở chỗ con người tự đặt mình vào trong lịch sử một cách có ý thức.¹

Về sau, người ta thường hiểu “hiện đại hóa” theo nghĩa là quá trình chuyển biến từ *xã hội cổ truyền* sang *xã hội hiện đại*, xét trong mấy lĩnh vực như sau. [a] Hiện đại hóa về mặt chính trị là phát triển các định chế chính trị chủ yếu, như các chính đảng, nghị viện, quyền bầu cử, tức là những định chế tạo điều kiện cho người dân có thể tham gia vào quá trình ra quyết định. [b] Hiện đại hóa về mặt văn hóa được thể hiện chủ yếu trong quá trình thế tục hóa (*secularisation*) và hình thành tư tưởng quốc gia dân tộc. [c] Hiện đại hóa về mặt kinh tế (không đồng nhất với khái

* Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài cấp nhà nước KX.02.10 mang tên “*Các vấn đề xã hội của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam: Một xã hội học về sự biến đổi xã hội và văn hóa*”.

¹ Xem Roger Scruton, *A Dictionary of Political Thought*, London, Pan Press, 1982, trang 302-303.

niệm công nghiệp hóa) là quá trình diễn ra những thay đổi sâu sắc về mặt kinh tế, như ngày càng gia tăng mức độ phân công lao động, sử dụng các kỹ thuật quản trị, các công nghệ mới, và sự lớn mạnh của các hệ thống thương mại và các phương tiện giao dịch thương mại. [d] Còn hiện đại hóa về mặt xã hội thì được thể hiện qua hiện tượng gia tăng số người biết chữ, hiện tượng đô thị hóa, sự suy giảm của các loại quyền lực cổ truyền, và sự xuất hiện của xu hướng cá nhân (*individualism*). Tất cả những thay đổi vừa kể được coi như nằm trong quá trình ngày càng biệt dị hóa (*differentiation*) về mặt xã hội và về mặt cấu trúc.²

Nhiều tác giả, chẳng hạn như Eisenstadt và Rostow, đã sử dụng thuật ngữ “*hiện đại hóa*” để chỉ quá trình phát triển của các xã hội hiện đại bắt đầu từ thời kỳ *cơ khí hóa* và *công nghiệp hóa*. Quá trình này có những đặc trưng như “nới lỏng các ranh giới giữa các giai cấp xã hội, phát triển lĩnh vực giáo dục, nảy sinh những kiểu quan hệ thương lượng mới trong lĩnh vực công nghiệp, mở rộng quyền bầu cử, phát triển các dịch vụ xã hội, v.v...”.³

Hai cái bẫy về quan điểm

Tuy nhiên, có hai cái bẫy mà người ta cần chú ý tránh rơi vào khi nói đến hiện đại hóa. Trước hết là cái bẫy coi các xã hội Tây phương như là mẫu mực, là hệ qui chiếu mà các nước đang phát triển phải noi theo. Sở dĩ có sự ngộ nhận này là vì quá trình hiện đại hóa cũng như các lý thuyết về hiện đại hóa đều phần lớn xuất phát từ châu Âu. Trong tiếng Anh, người ta thường gọi cái bẫy này bằng cái từ “*eurocentric*”, tạm dịch là xu hướng lấy châu Âu làm trung tâm. Cái bẫy thứ hai cũng dễ mắc phải là : khi nói tới hiện đại hóa, người ta có xu hướng lấy xã hội hiện tại, lấy con người hiện tại làm chuẩn mực để nhìn nhận và đánh giá cái quá khứ, coi cái hiện tại hay cái “mới” như là cái gì đối lập với cái “cũ” để phủ nhận cái “cũ” một cách đơn thuần, và cho rằng chỉ có cái hiện tại hay cái “mới” mới là cái hợp lý và đúng đắn. Đây là xu hướng thường được gọi là “*ethnocentric*”, nghĩa là xu hướng coi mình là trung tâm, là căn cứ để phán đoán những cái khác với mình.⁴

Chính vì điều này mà chúng tôi cho rằng, trong các thao tác phân tích, chúng ta không nên đối lập một cách máy móc thuật ngữ “hiện đại” với thuật ngữ “truyền thống”, vì làm như vậy sẽ không thể hiểu được trọn vẹn cả hai thuật ngữ này, mà lại càng không thể lý giải được thực tại xã hội vốn phức tạp hơn nhiều so với cách nhìn giản lược về xã hội bằng cách vạch ra một đường ranh giới phân chia máy móc giữa “truyền thống” và “hiện đại”.

² Xem Nicholas Abercrombie et al., *The Penguin Dictionary of Sociology*, London, Penguin Books, 1988, trang 158-159.

³ Allan Bullock et al. (ed.), *The Fontana Dictionary of Modern Thought*, London, Fontana Press, 1990, trang 540.

⁴ Xem thêm Nicholas Abercrombie et al., sách đã dẫn, trang 159 ; Peter S.J. Chen, “Modernization in Singapore : Changing Values and the Individual” (Working paper No. 10, 1972), Peter S.J. Chen, “Asian Values in Modernizing Society : A Sociological Perspective” (Working paper No. 51, 1976), tóm tắt trong quyển Chan Kwok Bun, Ho Kong Chong (ed.), *Explorations in Asian Sociology*, Singapore, Chopmen Publishers, 1991, trang 97-99.

Lý thuyết và thực tiễn của sự phát triển

Cho đến nay, hầu hết giới học giả nghiên cứu về sự phát triển đều thừa nhận rằng luôn luôn có mối quan hệ tương thuộc hết sức chặt chẽ giữa sự tiến bộ về mặt xã hội và sự phát triển về mặt kinh tế.⁵

Nhưng người ta lại thường không đồng ý với nhau khi bắt tay vào việc giải thích các quá trình chuyển biến xã hội. Về mặt lý thuyết, người ta thường có hai xu hướng chính : một là các lý thuyết thiên về *sự quân bình (equilibrium)*, và hai là các lý thuyết thiên về *sự bất quân bình*, tùy theo người ta quan niệm xã hội là một tổng thể tự nó mang tính chất quân bình, hay ngược lại, nhấn mạnh hơn đến những mâu thuẫn và xung đột vốn luôn luôn tồn tại trong xã hội.⁶ Trong lĩnh vực kinh tế học, người ta thấy có hai xu hướng lý thuyết lớn thường tranh cãi nhau, đó là xu hướng cho rằng nên áp dụng chính sách tự do hóa và để cho thị trường tự nó điều chỉnh, và xu hướng cho rằng cần có sự can thiệp của nhà nước để đảm bảo sự quân bình của thị trường. Trong lĩnh vực xã hội học, luận đề thiên về sự quân bình được thể hiện chủ yếu thông qua trường phái thường gọi là chức năng luận, vốn quan niệm sự phát triển của xã hội là một quá trình tiến hóa, tiệm tiến. Còn những người theo luận đề thiên về sự bất quân bình thì lại chú trọng hơn tới những quan hệ xung đột và mâu thuẫn trong xã hội và quan niệm rằng chính đây mới là nguyên nhân và động lực thực sự của quá trình chuyển biến xã hội.

Lịch sử diễn tiến của các xã hội thực ra vô cùng phức tạp và đa dạng. Có những mô hình lý thuyết giải thích sự phát triển tỏ ra phù hợp với một số khuôn khổ xã hội nào đó, nhưng lại không đúng vững khi áp dụng vào những khuôn khổ xã hội khác, hay trong những bối cảnh lịch sử khác. Do đó, không ít mô hình lý thuyết sau khi được đưa ra một thời gian thường bị những thực tế mới khám phá sau này phủ nhận và bác bỏ.

Talcott Parsons, chẳng hạn, đã đề xuất luận điểm cho rằng quá trình công nghiệp hóa làm cho *mô hình gia đình mở rộng* bị phá vỡ và bị thay thế bởi *mô hình gia đình hạt nhân*.⁷ Bởi lẽ, theo ông, trong xã hội hiện đại, giáo dục có xu hướng phát triển mạnh hơn ở bên ngoài khuôn khổ gia đình, vị thế xã hội-nghề nghiệp thường được thủ đắc trong đời sống xã hội hơn là được thừa kế từ cha sang con, tính di động về mặt địa lý ngày càng gia tăng... Lập luận này thoát nhìn có vẻ hợp lý, nhưng người ta khó mà gọi đó là một qui luật phổ quát có hiệu lực ở bất cứ nơi đâu. Thí dụ ở Nhật Bản, theo các công trình nghiên cứu của Ezra Vogel, nhà kinh doanh nào muốn tuyển dụng nhân công thường phải thương lượng trước với gia đình của các công nhân này. Chính hệ thống liên đới trong gia đình giúp cho nhà kinh doanh tìm được

⁵ Xem Bert F. Hoselitz, *Aspects sociologiques de la croissance économique*, Strasbourg, Tendances actuelles, 1971, trang 29.

⁶ Xem Henri Mendras, Michel Forsé, *Le changement social. Tendances et paradigmes*, Paris, Armand Colin, 1983, trang 127.

⁷ Xem Raymond Boudon, *La place du désordre. Critique des théories du changement social*, Paris, Presses Universitaires de France, 1984, trang 90-91.

đủ số người mà mình cần, và đồng thời cũng đảm bảo cho công ty lòng trung thành và tinh thần tôn trọng hợp đồng của các công nhân. Như vậy có nghĩa là trong trường hợp này, quá trình công nghiệp hóa càng *củng cố* các mối liên hệ đoàn kết trong gia đình mở rộng, chứ không hề làm chúng suy yếu đi, vì chính đây là nguồn trợ lực đầy hiệu quả cho việc tuyển dụng và sử dụng công nhân.⁸

Một lý thuyết khác cho rằng khi mà khả năng tiết kiệm và tích lũy của dân cư còn yếu ớt, thì không thể có đầu tư; mà không có đầu tư, thì năng suất lao động không thể tăng lên, do đó thu nhập của người dân dậm chân tại chỗ, và hệ quả là khả năng tiết kiệm tiếp tục yếu ớt. Theo lý thuyết này, chỉ có thể thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn đó nếu có được sự trợ giúp hoặc nguồn lực từ bên ngoài. Thế nhưng, lịch sử phát triển của nước Anh vào thế kỷ XVIII hay của Nhật Bản vào thế kỷ XIX đã cho thấy lý thuyết này không đúng.

Trước đây cũng từng có lý thuyết cho rằng, để có thể phát triển, thoát tiên phải có một “tư bản xã hội” (*overhead capital*, thí dụ hệ thống đường sá, phương tiện giao thông...), bởi vì nếu không, thị trường sẽ bị bó hẹp trong phạm vi địa phương; nhu cầu ở địa phương thường chỉ có giới hạn nhất định nên không thúc đẩy sản xuất gia tăng mạnh mẽ được. Nhưng Argentina là một trường hợp cho thấy lý thuyết này không ổn, vì vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nền kinh tế Argentina tăng trưởng hết sức ngoạn mục mà vẫn không cần đến sự phát triển của các phương tiện giao thông.⁹

Nhiều lý thuyết kinh tế học thường dựa trên định luật cung-cầu để đi đến quan niệm cho rằng, tại một quốc gia nào đó, sở dĩ hình thành được một tầng lớp các nhà kinh doanh và phát triển được kinh tế, chủ yếu là do xuất hiện những *nhu cầu* nào đó tại quốc gia đó. E. Hagen đã phê phán quan niệm này căn cứ trên một số công trình nghiên cứu cụ thể của mình: ông ta đưa ra một lý thuyết xã hội về phát triển kinh tế, và cho rằng đúng là sự phát triển kinh tế phần lớn đi đôi với sự hình thành của một tầng lớp doanh nhân. Thế nhưng, theo ông, không phải cứ hễ có *nhu cầu* về giấy dép chẳng hạn thì tự khắc sẽ ra đời một ngành sản xuất giấy dép mạnh. Nhu cầu tiềm năng có thể là một *hoàn cảnh thuận lợi* cho sự xuất hiện của một ngành sản xuất, nhưng không phải là một *điều kiện đủ* để dẫn đến quá trình công nghiệp hóa. Để giải thích được sự hình thành tầng lớp doanh nhân nói riêng và sự phát triển kinh tế nói chung, theo Hagen, người ta còn cần phải nghiên cứu *các điều kiện xã hội* trong đó diễn ra các quá trình này.¹⁰

Chính vì tính chất phức tạp của đối tượng nghiên cứu, nên lý thuyết nào cũng có những giới hạn của nó. Trong lĩnh vực xã hội, phải thừa nhận là khó mà nói được rằng có thể tìm ra được những “*qui luật*” mang tính chất phổ quát thực sự, nghĩa là có thể áp dụng cho bất cứ xã hội nào vào bất cứ thời đại lịch sử nào. Bởi lẽ mỗi xã hội

⁸ Xem Raymond Boudon, sách đã dẫn, trang 90-91.

⁹ Xem Raymond Boudon, sách đã dẫn, trang 91-92.

¹⁰ Xem Raymond Boudon, sách đã dẫn, trang 94.

đều tự nó hết sức phức tạp, và đều mang những đặc điểm hết sức đặc thù được qui định bởi những bối cảnh lịch sử kinh tế-xã hội cụ thể nhất định. Trong phần lớn các trường hợp, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội thường chỉ có thể phát hiện ra những *xu hướng phát triển* của một thực tại xã hội nhất định, và thường giới hạn nhiệm vụ của mình vào việc cố gắng phác thảo ra một cái khung lý thuyết để giải thích cho chính cái thực tại xã hội mà mình đang khảo sát đó.

Xã hội không bao giờ là một thực tế tĩnh tại, xã hội luôn luôn là một *quá trình*. Và chân lý - cái mà người làm công tác khoa học luôn đi tìm - cũng giống như đường chân trời, cứ càng đi tới thì nó càng không ngừng lùi xa mãi mãi.

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

(Tiếp theo trang 129)

- NGUYỄN NGỌC TUẤN: **Những vấn đề kinh tế xã hội và môi trường vùng ven các đô thị lớn trong quá trình phát triển bền vững.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2003. 382 tr.
- TRƯƠNG THÌN: **Nghi lễ thờ cúng tổ tiên.** Nxb Hà Nội - 2004. 255 tr.
- TRẦN VĂN TÙNG: **Tính hai mặt của toàn cầu hóa.** Nxb Thế giới. Hà Nội - 2002. 203 tr.
- DỰ ÁN SPHERE: **Hiến chương nhân đạo và các tiêu chuẩn ứng phó thảm họa.** Hà Nội - 2004. 339 tr.
- NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á: **Chính sách của ngân hàng về dân tộc bản địa.** Hà Nội - 1998. 30 tr.
- TỔNG CỤC THỐNG KÊ: **MAJOR SOCIO - ECONOMIC INFORMATION OBTAINED FROM TEN LARGE SCALE SURVEY IN PERIOD 1998 - 2000/ Tư liệu kinh tế - xã hội chọn lọc từ kết quả 10 cuộc điều tra quy mô lớn 1998 - 2000.** Nxb Thống kê. Hà Nội - 2001. 1162 tr.
- VĂN PHÒNG QUỐC HỘI: **Báo cáo nghiên cứu về kế hoạch công tác lập pháp thực thi hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ.** Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2003. 281 tr.
- TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA: **Tư duy phát triển hiện đại: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2003. 670 tr.
- VĂN HÓA DÂN TỘC: **Một số vấn đề đổi mới nội dung quản lý nhà nước và phương thức công tác dân tộc.** Nxb Văn hóa Dân tộc. Hà Nội - 2003. 310 tr.